

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 126/2023/DSST
Ngày: 19/7/2023
V/v tranh chấp *Hợp đồng vay tài sản*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Lâm Sơn;
- Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền, **Kiểm sát viên**.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định hoãn phiên tòa số **433/2023/QĐST-DS**, ngày **30 tháng 6 năm 2023**, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Phùng Văn B, sinh năm 1965; địa chỉ: số 19/7 N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp cho ông Phùng Văn B: Ông Trần Tiến V, sinh năm 1972; địa chỉ: số 259/1C, T, khóm 6, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang là đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 27/02/2023) (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. **Bị đơn:** Ông Lâm Văn N, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ hiện nay: Tổ 17, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ hiện nay: Tổ 17, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt);

3.2. Ông Nguyễn Hồng M1, sinh năm 1974; địa chỉ: 12 đường L, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (Có ý kiến xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản làm việc người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn ông Trần Tiến V trình bày: Do chỗ quen biết, vào ngày 05/9/2019 ông B có cho vợ chồng ông N, bà M vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay: ông N, bà M đáo nợ ngân hàng, thời hạn vay 30 ngày là ngày 05/10/2019, lãi suất thỏa thuận: 2%/30 ngày. Ông B trực tiếp giao tiền cho vợ chồng ông N, bà M và các bên có làm tờ “biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn đáo nợ Ngân hàng” do ông B soạn sẵn. Phần chữ ở mặt trước (trang 1) tờ “biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn đáo nợ Ngân hàng” do ông B viết phần “Bên vay” thông tin của ông N, bà M. Phần chữ mặt sau (trang 2) tại “Điều IV” là ông N ghi số tiền “500.000.000” và ghi bằng chữ “năm trăm triệu đồng”, tại Điều “V” ông B ghi ngày 5/10/2019, tại “Điều VI” ông B ghi 2%. Phần ký tên và họ tên Lâm Văn N ở cuối là ông N ký tên và ghi họ tên. Đến hạn ông N, bà M không thực hiện việc trả vốn và lãi theo thỏa thuận, ông B có đòi nhiều lần ông N, bà M hẹn nhưng lại không thực hiện. Nay ông B khởi kiện yêu cầu ông Lâm Văn N và bà Huỳnh Thị M có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn 500.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 05/9/2019 cho đến khi Tòa án xét xử. Việc ông B yêu cầu bà M cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên cho ông vì ông B cho vợ chồng ông N, bà M vay tiền, thời điểm ông B giao tiền thì giao cho ông N, bà M nhưng trong biên nhận chỉ có ông N ký tên. Ngày 07/6/2023, Người đại diện hợp pháp cho Nguyên đơn ông Trần Tiến V xác định yêu cầu khởi kiện, ông Phùng Văn B chỉ yêu cầu cá nhân ông Lâm Văn N trả cho ông Phùng Văn B số tiền vay 500.000.000 đồng. Ông Phùng Văn B rút lại yêu cầu ông N, bà M trả số tiền lãi $342.350.000$ đồng ($500.000.000$ đồng $\times$ 41 tháng $\times$ 1.67%/tháng = 342.350.000 đồng) tạm tính từ ngày 05/9/2019 đến ngày 15/02/2023 và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi ông N, bà M trả hết nợ. Ông B rút lại yêu cầu đối với bà M trong việc yêu cầu bà M cùng phải có nghĩa vụ liên đới với ông N trả cho ông B số tiền vay 500.000.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 17/7/2023, Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn ông Trần Tiến V xác định yêu cầu khởi kiện:

Yêu cầu ông Lâm Văn N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng. Rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 342.350.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi ông N, bà M trả hết nợ. Rút yêu cầu khởi kiện trách nhiệm liên đới trả nợ đối với bà Huỳnh Thị M.

Bị đơn ông Lâm Văn N; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà **Huỳnh Thị M** đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Tại các biên bản làm việc, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng M1 trình bày: Ông có quen biết với ông Phùng Văn B, còn ông Lâm Văn N ông không biết. Tờ “biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn đáo nợ Ngân hàng” ngày 05/9/2019 do ông Phùng Văn B cung cấp cho Tòa án ông không biết. Ông không biết ông Lâm Văn N, ông cũng không biết việc ông B cho ông N vay tiền như thế nào. Dòng chữ “của M1 300.000.000đ” không phải do ông viết. Trước đây do công việc làm ăn, ông với ông B có qua lại vay tiền nhưng đã giải quyết xong. Đối với tranh chấp giữa ông Phùng Văn B với ông Lâm Văn N, bà Huỳnh Thị M ông không có ý kiến, vì ông không liên quan đến vụ tranh chấp này, ông đề nghị Tòa án cho ông xin vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và xét xử.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hồng M1 có ý kiến xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu: Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngày 05/9/2019, ông Phùng Văn B có cho ông Lâm Văn N, bà Huỳnh Thị M vay 500.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, ông N, bà M cùng nhận tiền nhưng chỉ ông N là người ký biên nhận nợ. Đến hạn thanh toán, sau nhiều lần nhắc nhở nhưng ông N, bà M không thực hiện. Nay, ông B yêu cầu ông N trả số tiền vốn 500.000.000 đồng. Rút lại yêu cầu tính lãi suất và yêu cầu bà M liên đới cùng ông N trả nợ.

Phía ông N, bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa ông B với ông N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và được thể hiện trên biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ngày 05/9/2019, theo biên nhận ông N đã nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng từ ông B xong. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh

toán theo Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự nên việc ông B khởi kiện yêu cầu ông N trả 500.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu tính lãi suất và yêu cầu bà M liên đới trả nợ, do ông B tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nên cần đình chỉ theo Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự và Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn B.
- Buộc ông Lâm Văn N trả ông Phùng Văn B số tiền 500.000.000 đồng.
- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn B đối với lãi suất và yêu cầu bà Huỳnh Thị M liên đới trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Lâm Văn N. Ông N có nơi cư trú ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn tranh chấp số tiền 500.000.000 đồng từ giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn ông Phùng Văn B với bị đơn ông Lâm Văn N. Do vậy, vụ án được xác định là tranh chấp về Hợp đồng dân sự, cụ thể Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên Tòa, Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn ông Trần Tiến V và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng M1 có ý kiến xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Phùng Văn B và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là có căn cứ.

[4] Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 17/7/2023, Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn ông Trần Tiến V xác định yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Lâm Văn N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng. Rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 342.350.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi ông N, bà M trả hết nợ. Rút yêu cầu khởi kiện trách nhiệm liên đới trả nợ đối với

bà Huỳnh Thị M. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của Nguyên đơn.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, yêu cầu ông Lâm Văn N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc Nguyên đơn ông Phùng Văn B yêu cầu ông Lâm Văn N thực hiện nghĩa vụ trả nợ và triệu tập ông N tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông N vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông B, được xem là ông N đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, nên Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn đưa ra và Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[5.1] Xét thấy, chứng cứ Nguyên đơn khởi kiện là tờ “biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn đáo nợ Ngân hàng” ngày 05/9/2019 có chữ ký của ông N. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập ông N tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông N vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có cơ sở xác định các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên làm phát sinh quyền nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ông B khởi kiện yêu cầu ông N trả số tiền vay 500.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5.2] Về lãi suất, Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5.3] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M, ông Nguyễn Hồng M1, trong quá trình giải quyết, các đương sự không có yêu cầu gì trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5.4] Từ những phân tích trên, có cơ sở buộc ông Lâm Văn N phải có nghĩa vụ trả cho ông Phùng Văn B số tiền vay 500.000.000 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Lâm Văn N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Phùng Văn B nên phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn B đối với ông Lâm Văn N.

Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Phùng Văn B với ông Lâm Văn N.

Buộc ông Lâm Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Phùng Văn B số tiền vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn B đối với số tiền lãi 342.350.000 (ba trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn) đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi ông N, bà M trả hết nợ. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn B đối với trách nhiệm liên đới trả nợ của bà Huỳnh Thị M.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng, ông Lâm Văn N phải chịu.

Hoàn lại cho ông Phùng Văn B tiền tạm ứng án phí 18.635.000 (mười tám triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn) đồng, mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0013359, ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

